TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 47/2020/HS-ST Ngày 29/5/2020	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phạm Văn Diễn

+ Bà Nguyễn Thị Huề

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Viết Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Bùi Văn T, sinh ngày 18/3/1974 tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bùi Văn L (đã chết) và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1931; vợ: Phạm Thị Q, sinh năm 1975; có 02 con: Lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2001; tiền án: Bản án số 190/2015/HSST ngày 10/6/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt tiền 6.000.000 đồng về hành vi "Đánh bạc", thi hành xong hình phạt ngày 07/02/2020; tiền sự: Không; bị tạm giữ từ 01/02/2020 đến ngày 04/02/2020 chuyển tạm giam đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. (Trích xuất có mặt tại phiên tòa).

2. Phạm Văn T1, sinh ngày 05/5/1975 tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn Ph, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953; vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; có 02 con: Lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 04/02/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Phạm Văn T2, sinh ngày 08/10/1973 tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn M (đã chết) và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1947; có vợ: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1974; có 02 con: Lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 04/02/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Phạm Văn D, sinh ngày 24/4/1976 tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn R (đã chết) và bà Đinh Thị S, sinh năm 1936; có vợ: Phạm Thị B, sinh năm 1979; có 02 con: Lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 04/02/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Đức Th, sinh năm 1975 tại huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950; có vợ: Đào Thị L, sinh năm 1979; có 02 con: Lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 01/02/2020 đến ngày 04/02/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 10 phút ngày 01/02/2020, tại nhà của Bùi Văn T ở Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện bắt quả tang Bùi Văn T cùng Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Phạm Văn D và Nguyễn Đức Th đang thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "xóc đĩa". Thu giữ tại chỗ: 01 thảm màu đỏ; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị hình tròn được cắt từ lá bài T2 lơ khơ (đường kính 01cm); 01 chiếc kéo bằng kim loại; số tiền 5.350.000 đồng. Quản lý trên người các bị cáo tổng số tiền 8.100.000 đồng, trong đó: Bùi Văn T là 6.350.000 đồng, Phạm Văn T2 là 1.750.000 đồng.

Kết quả điều tra xác định như sau: Do là chỗ bạn bè, thân quen nên trưa ngày 01/02/2020, Bùi Văn T mời Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Phạm Văn D và Nguyễn Đức Th đến nhà ăn cơm đầu xuân. Đến khoảng 12 giờ, sau khi ăn cơm xong, ngồi uống nước ở phòng khách, T1 nảy sinh ý định đánh bạc được thua bằng tiền nên rủ: *"Anh em mình làm tí xóc đĩa ăn tiền"*. T, T2, D, Th cùng đồng ý. Sau

đó T2 đi xuống gian bếp nhà T cầm 01 bát sứ, 01 đĩa sứ lên để trên mặt tấm thảm màu đỏ trải sẵn ở giữa phòng khách, D dùng 01 chiếc kéo cắt 01 lá bài T2 lơ khơ sẵn có ở bàn uống nước thành 04 quân vị hình tròn có đặc điểm giống nhau, đường kính mỗi quân vị khoảng 1cm rồi cùng T, T1, T2, Th ngồi quây tròn trên thảm theo chiều quay kim đồng hồ thứ tự từ cửa vào đầu tiên là Th đến T2, D, T, T1 bắt đầu thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "xóc đĩa". T là người cầm cái. Hình thức và cách tính thắng thua mỗi ván bạc như sau: Mỗi quân vị có hai mặt, mặt màu trắng là mặt ngửa, mặt còn lại có hoa văn là mặt sấp, cửa chẵn tính từ vị trí đặt bát vào trong lòng T, cửa lẻ đặt phía ngoài. T đặt 04 quân vị lên mặt đĩa, úp bát lại, dùng hai tay cầm xóc nhiều lần rồi đặt xuống thảm. Những người chơi dùng tiền đặt vào cửa chẵn hoặc cửa lẻ tùy theo suy đoán của mình, thấp nhất là 10.000 đồng, cao nhất là 50.000 đồng. Khi tất cả những người chơi đặt tiền cửa xong thì T mở bát, nếu thấy số quân vị trên đĩa có 04 hoặc 02 quân vị cùng sấp hoặc cùng ngửa thì ván bạc đó là chẵn. Những người đặt tiền vào cửa chẵn trước khi mở bát thì thắng và ngược lại. Số tiền thắng thua đúng bằng số tiền người chơi đã đặt cửa. Kết thúc ván bạc, T thu tiền của người thua trả cho người thắng, nếu thiếu thì T bỏ tiền ra để trả, còn thừa thì T được hưởng. Cả năm người đánh bạc đến 13 giờ 10 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu ở trên.

Số tiền dùng đánh bạc Bùi Văn T khai là 6.860.000 đồng, khi bắt bị quản lý trên người là 6.350.000 đồng; Phạm Văn T2 khai số tiền đánh bạc là 2.170.000 đồng, khi bắt bị quản lý trên người là 1.750.000 đồng; Nguyễn Đức Th khai số tiền đánh bạc để trên thảm là 2.060.000 đồng; Phạm Văn T1 khai số tiền đánh bạc để trên thảm là 1.360.000 đồng; Phạm Văn D khai số tiền đánh bạc để trên thảm là 1.000.000 đồng, khi bị bắt Th, T1 và D không có tiền trên người. Các bị cáo không xác định được số tiền thắng thua, thừa nhận tiền thu tại chiếu bạc và trên người là tiền dùng đánh bạc.

Cáo trạng số 42/CT-VKSQP ngày 15/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố Bùi Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Phạm Văn D và Nguyễn Đức Th về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trong bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn T mức án từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 từ 09 tháng đến 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Giao bị cáo Phạm Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Th từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời gian bị tạm giữ. Giao các bị cáo Phạm Văn T2, Nguyễn Đức Th cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình quản lý, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Đề nghị miễn khấu trừ thu nhập đối với hai bị cáo.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn D với hình thức phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng.

+ Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung đối với các bị cáo Bùi Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Nguyễn Đức Th mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước. Ngoài ra, còn đề nghị về xử lý vật chứng và án phí đối với các bị cáo.

Trong phần tranh luận các bị cáo không tranh luận với nhau và với Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Bùi Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Phạm Văn D và Nguyễn Đức Th đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét thấy, lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra (Bút lục số từ 156 - 294); phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Quỳnh Phụ, lập hồi 13 giờ 10 phút ngày 01/02/2020 tại nhà của Bùi Văn T ở thôn C, xã Q, huyện Q (Bút lục số từ 01 - 06); phù hợp với các Biên bản quản lý tang vật, niêm phong đồ vật bị tạm giữ (Bút lục số 87 - 89); Trích lục thửa đất và sơ đồ hiện trường vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ lập và do các bị cáo tự mô tả (Bút lục số 111 - 117) cùng nhiều tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 12 giờ đến 13 giờ 10 phút ngày 01/02/2020, tại nhà của Bùi Văn T ở Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, Bùi Văn T cùng với Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Phạm Văn D và Nguyễn Đức Th thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh "xóc đĩa", bị Công an huyện Quỳnh Phụ phát hiện bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền đánh bạc là 13.450.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 321. Tội đánh bạc - Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 3 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

a) Có tính chất chuyên nghiệp;

b) Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên;

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng:

Hành vi đánh bạc dưới hình thức "xóc đĩa" nhằm sát phạt nhau bằng tiền của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và an toàn xã hội tại địa phương, gây dư luận không tốt trên địa bàn nơi các bị cáo đang cư trú. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đều nhận thức rất rõ việc Nhà nước nghiêm cấm đánh bạc trái phép dưới mọi hình

thức nhưng vì động cơ tư lợi mà các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, thực hiện tội phạm với với lỗi cố ý. Do đó, cần phải lên cho các bị cáo mức án phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ cũng như vai trò của từng bị cáo để nhằm giáo dục các bị cáo ý thức tuân thủ pháp luật và đấu tranh phòng chống tội phạm chung trong xã hội.

Tuy nhiên, xét về tính chất vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có việc câu kết chặt chẽ, không có ai đứng ra cho vay hay cầm cố tài sản, không phân công người canh coi, cảnh giới. Loại tội phạm mà các bị cáo cùng nhau thực hiện thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng, trong đó xác định: Bị cáo Bùi Văn T dùng nơi ở của mình để cùng các bị cáo khác đánh bạc, tham gia đánh bạc với số tiền nhiều nhất (6.860.000 đồng) và là người cầm cái nên giữ vai trò cao nhất trong vụ án; bị cáo Phạm Văn T1 là người khởi xướng việc phạm tội và đánh bạc với số tiền 1.360.000 đồng nên xếp vai trò thứ hai; các bị cáo Phạm Văn T2, Nguyễn Đức Th và Phạm Văn D là người thực hành, tham gia đánh bạc với số tiền ít hơn (T2: 2.170.000đ; Th: 2.060.000đ; D: 1000.000đ), ngoài ra T2, D còn tham gia vào việc chuẩn bị công cụ phạm tội nên lần lượt xếp vai trò thấp hơn so với hai bị cáo Bùi Văn T, Phạm Văn T1.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và phân tích căn cứ quyết định hình phạt đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Bùi Văn T có 01 tiền án về tội "Đánh bạc" chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo T1, T2, Th, D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ: Cả năm bị cáo đều đã thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ chung quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Phạm Văn D và Nguyễn Đức Th đều lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Phạm Văn T1 có thời gian phục vụ trong quân đội nên còn được xét hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về quyết định hình phạt:

+ Bị cáo Bùi Văn T giữ vai trò thứ nhất trong vụ án, phạm tội có tính chất "tái phạm" là thể hiện ý thức coi thường pháp luật nên cần phải xử phạt nghiêm bằng hình thức phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra.

+ Bị cáo Phạm Văn T1 là người khởi xướng, người đồng thực hành nhưng có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định nên không

cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo, có ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo là phù hợp.

+ Các bị cáo Phạm Văn T2, Nguyễn Đức Th giữ vai trò thấp hơn trong vụ án nên Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng vì T2, Th đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định.

+ Đối với bị cáo Phạm Văn D tuy có tham gia chuẩn bị công cụ thực hiện phạm tội nhưng đánh bạc với số tiền ít nhất nên áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Bùi Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Nguyễn Đức Th phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Bị cáo Phạm Văn D do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không tiếp tục áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 13.450.000 đồng; quản lý: 01 thảm nỉ màu đỏ đã qua sử dụng; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị hình tròn được cắt từ lá bài T2 lơ khơ; 01 chiếc kéo bằng kim loại có tay cầm bằng nhựa màu đen. Xét số tiền 13.450.000 đồng là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc bất hợp pháp nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước; các vật chứng còn lại là công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm, giá trị không đáng kể nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Địa điểm các bị cáo đánh bạc là nơi ở của bị cáo Bùi Văn T. Vợ, con của bị cáo T là chị Phạm Thị Q cùng hai con đã chuyển vào tỉnh Bình Dương sinh sống, làm việc từ lâu. Tại thời điểm xảy ra vụ án, ngoài bị cáo T ra, vợ và hai con của bị cáo không ai có mặt tại nhà, không biết việc T dùng nhà ở để cùng các bị cáo khác đánh bạc. Do vậy, Cơ quan điều tra không xử lý đối với vợ và hai con của bị cáo T là đúng pháp luật.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Bùi Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Nguyễn Đức Th và Phạm Văn D phạm tội "Đánh bạc".

2. Hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 01 *(một)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (01/02/2020).

Phạt bổ sung Bùi Văn T 15.000.000đ *(mười lăm triệu đồng)* để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 09 *(chín)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01*(một)* năm 06 *(sáu)* tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Phạm Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp vắng mặt hoặc có thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Phạt bổ sung Phạm Văn T1 10.000.000đ *(mười triệu đồng)* để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt bị cáo Phạm Văn T2 01 *(một)* năm 09 *(chín)* tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị tạm giữ 03 ngày (từ ngày 01/02/2020 đến ngày đến ngày 04/02/2020) quy đổi thành 09 *(chín)* ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 *(một)* năm 08 *(tám)* tháng 21 *(hai mươi mốt)* ngày.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Th 01 *(một)* năm 06 *(sáu)* tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian bị tạm giữ 03 ngày (từ ngày 01/02/2020 đến ngày đến ngày 04/02/2020) quy đổi thành 09 *(chín)* ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian còn lại phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 *(một)* năm 05 *(năm)* tháng 21 *(hai mươi mốt)* ngày.

Thời gian cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Phạm Văn T2, Nguyễn Đức Th tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản án. Giao các bị cáo Phạm Văn T2, Nguyễn Đức Th cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Phạm Văn T2 và Nguyễn Đức Th.

+ Phạt bổ sung Phạm Văn T2, Nguyễn Đức Th mỗi bị cáo 10.000.000đ *(mười triệu đồng)* để nộp ngân sách nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 35.000.000đ *(ba mươi lăm triệu đồng)* để nộp ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 13.450.000đ *(Mười ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng)* để trong 03 phong bì niêm phong;

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 thảm nỉ màu đỏ đã qua sử dụng; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị hình tròn được cắt từ lá bài T2 lơ khơ; 01 chiếc kéo bằng kim loại có tay cầm bằng nhựa màu đen.

(Các vật chứng trên có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 48 lập hồi 09 giờ 00 phút ngày 16/4/2020 giữa Công an huyện Quỳnh Phụ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ).

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Bùi Văn T, Phạm Văn T1, Phạm Văn T2, Nguyễn Đức Th và Phạm Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/5/2020).

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *CQĐT, CQTHAHS, Nhà Tạm giữ (Công an huyện Quỳnh Phụ);*
- *UBND xã Quỳnh Hải, h. Quỳnh Phụ;*
- *Các bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Phượng